

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của UBND tỉnh phối hợp triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng và trình UBND tỉnh đúng thời gian quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV, P. KSTTHC;
- Lưu: VT, K1, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phi Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TRỌNG TÂM NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ /01/2022 của UBND tỉnh)*

| <b>SỐ TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>CƠ QUAN TRÌNH</b>                   | <b>THỜI GIAN TRÌNH</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|---|--|------------------------|----------------|
| 1.           | Chính sách thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025.   | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | Tháng 1                |                |
| 2.           | Tờ trình về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021.  | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | Tháng 1                |                |
| 3.           | Chính sách khuyến khích nuôi gà thả đồi trên địa bàn tỉnh.  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Tháng 1                |                |
| 4.           | Đề án Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.                      | Sở Giao thông vận tải                  | Tháng 1                |                |
| 5.           | Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025. | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | Tháng 1                |                |
| 6.           | Chính sách thu hút, ưu đãi đối với bác sỹ, dược sỹ giai đoạn 2022-2025.   | Sở Nội vụ                              | Tháng 1                |                |
| 7.           | Quy định về việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh.                                  | Công an tỉnh                           | Tháng 1                |                |
| 8.           | Đề án xây dựng Trụ sở Công an xã  | Công an tỉnh                           | Tháng 1                |                |
| 9.           | Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của cấp huyện.  | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Tháng 2                |                |

|     |  |                                 |         |  |
|-----|--|---------------------------------|---------|--|
| 10. | Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. | Ban Dân tộc tỉnh                | Tháng 2 |  |
| 11. | Sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động trong công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.   | Sở Lao động – Thương binh và XH | Tháng 2 |  |
| 12. | Nghị quyết phát triển thanh niên tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030.   | Sở Nội vụ                       | Tháng 2 |  |
| 13. | Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh.   | Sở Nội vụ                       | Tháng 2 |  |
| 14. | Danh mục cây trồng, cây trồng hạn chế và cây cấm trồng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.   | Sở Xây dựng                     | Tháng 3 |  |
| 15. | Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị cửa ngõ Cát Tiến (Phân khu 2).   | Ban Quản lý Khu kinh tế         | Tháng 3 |  |
| 16. | Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điều chỉnh dự án KCN Nhơn Hội A.   | Ban Quản lý Khu kinh tế         | Tháng 3 |  |
| 17. | Báo cáo Đánh giá tình hình kinh tế – xã hội quý I và nhiệm vụ giải pháp quý II năm 2022.   | Sở Kế hoạch và Đầu tư           | Tháng 3 |  |
| 18. | Hội nghị ký kết hợp tác 5 năm (2021-2025) với 4 tỉnh Nam Lào.  | Sở Ngoại vụ                     | Tháng 3 |  |
| 19. | Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh tham dự hội chợ, triển lãm du lịch trong nước và nước ngoài.   | Sở Du lịch                      | Tháng 3 |  |
| 20. | Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, làng nghề tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.   | Sở Du lịch                      | Tháng 3 |  |
| 21. | Chính sách hỗ trợ thu hút đoàn khách MICE đến tỉnh Bình Định.  | Sở Du lịch                      | Tháng 3 |  |
| 22. | Phương án giá bán nước sinh hoạt năm 2022 của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định.  | Sở Tài chính                    | Tháng 4 |  |

|     |   |  |         |  |
|-----|---|--|---------|--|
| 23. | Chính sách đối với các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Định.  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Tháng 4 |  |
| 24. | Điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tây Sơn đến năm 2035.   | Sở Xây dựng, UBND huyện Tây Sơn        | Tháng 4 |  |
| 25. | Chương trình xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Bình Định.   | Sở Ngoại vụ                            | Tháng 4 |  |
| 26. | Đề án phát triển nhà ở cho công nhân trên địa bàn tỉnh.   | Sở Xây dựng                            | Tháng 5 |  |
| 27. | Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh.  | Sở Tài chính                           | Tháng 5 |  |
| 28. | Sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh ban hành tại Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh.  | Sở Công Thương                         | Tháng 5 |  |
| 29. | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.  | Sở Lao động – Thương binh và XH        | Tháng 5 |  |
| 30. | Đề án phát triển hệ thống y tế cơ sở tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025.  | Sở Y tế                                | Tháng 5 |  |
| 31. | Sửa đổi Quy chế phối hợp trong công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu các dự án, công trình có yêu cầu thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy, thực hiện đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh. | Sở Xây dựng                            | Tháng 6 |  |
| 32. | Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Becamex B (Phân khu 8).   | Ban Quản lý Khu kinh tế                | Tháng 6 |  |
| 33. | Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bồng Sơn.  | Ban Quản lý Khu kinh tế                | Tháng 6 |  |
| 34. | Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Tài.   | Ban Quản lý Khu kinh tế                | Tháng 6 |  |
| 35. | Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.   | Sở Nội vụ                              | Tháng 6 |  |

|     |   |                                      |         |
|-----|---|--------------------------------------|---------|
| 36. | Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025.  | Sở Nội vụ                            | Tháng 6 |
| 37. | Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh.              | Sở Kế hoạch và Đầu tư                | Tháng 6 |
| 38. | Thông qua Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.   | Sở Kế hoạch và Đầu tư                | Tháng 6 |
| 39. | Báo cáo Đánh giá tình hình kinh tế – xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2022.                              | Sở Kế hoạch và Đầu tư                | Tháng 6 |
| 40. | Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.  | Văn phòng UBND tỉnh                  | Tháng 6 |
| 41. | Điều chỉnh đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Nhơn Bình và Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.                                    | Sở Xây dựng, UBND thành phố Quy Nhơn | Tháng 7 |
| 42. | Quy hoạch chung xây dựng đô thị Cát Hanh, huyện Phù Cát.  | Sở Xây dựng, UBND huyện Phù Cát      | Tháng 7 |
| 43. | Đề án thành lập thị trấn Cát Khánh, huyện Phù Cát.  | Sở Nội vụ, UBND huyện Phù Cát        | Tháng 7 |
| 44. | Chương trình xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Đức tại Bình Định.  | Sở Ngoại vụ                          | Tháng 7 |
| 45. | Kế hoạch đầu tư xây dựng mới, mở rộng, cải tạo và đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và phần mộ riêng lẻ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. | Sở Xây dựng                          | Tháng 8 |
| 46. | Đề án phát triển hàng xuất khẩu tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.   | Sở Công Thương                       | Tháng 8 |
| 47. | Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Nghi.  | Ban Quản lý Khu kinh tế              | Tháng 9 |
| 48. | Phê duyệt Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị, Khu kinh tế Nhơn Hội.  | Ban Quản lý Khu kinh tế              | Tháng 9 |
| 49. | Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh.   | Sở Tài nguyên và                     | Tháng   |

|     |   |                             |          |  |
|-----|---|-----------------------------|----------|--|
|     |   | Môi trường                  | 9        |  |
| 50. | Báo cáo Đánh giá tình hình kinh tế – xã hội 9 tháng và nhiệm vụ giải pháp 3 tháng cuối năm 2022.  | Sở Kế hoạch và Đầu tư       | Tháng 9  |  |
| 51. | Đề án “Thí điểm triển khai mô hình chính quyền thân thiện phục vụ công dân thực hiện thủ tục hành chính giai đoạn 2022-2025”.   | Văn phòng UBND tỉnh         | Tháng 9  |  |
| 52. | Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh đô thị sử dụng công cộng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.   | Sở Xây dựng                 | Tháng 10 |  |
| 53. | Sửa đổi, bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh.   | Sở Tài chính                | Tháng 10 |  |
| 54. | Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023.   | Sở Tài chính                | Tháng 10 |  |
| 55. | Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Bình Định.   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Tháng 11 |  |
| 56. | Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án có sử dụng dưới 10 ha đất lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, dưới 20 ha đất rừng đặc dụng năm 2023. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Tháng 11 |  |
| 57. | Kế hoạch Biên chế hành chính sự nghiệp năm 2023.  | Sở Nội vụ                   | Tháng 11 |  |
| 58. | Đề án thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí quản lý cấp phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành.   | Sở Nội vụ                   | Tháng 11 |  |
| 59. | Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh.  | Sở Nội vụ                   | Tháng 11 |  |
| 60. | Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tỉnh Bình Định.  | Sở Công Thương              | Tháng 11 |  |
| 61. | Sửa đổi, bổ sung Chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất sản phẩm gỗ nội thất   | Sở Công Thương              | Tháng    |  |

|     |   |                             |          |  |
|-----|---|-----------------------------|----------|--|
|     | trên địa bàn tỉnh ban hành tại Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 và Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của UBND tỉnh (kéo dài thời gian áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).  |                             | 11       |  |
| 62. | Giao dự toán ngân sách địa phương năm 2023.   | Sở Tài chính                | Tháng 11 |  |
| 63. | Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch năm 2023 trên địa bàn tỉnh.   | Sở Kế hoạch và Đầu tư       | Tháng 11 |  |
| 64. | Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định.  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Tháng 12 |  |
| 65. | Quy định ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể tái định cư năm 2023 để phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Tháng 12 |  |
| 66. | Quy định về vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh.   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Tháng 12 |  |
| 67. | Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và giải pháp trọng tâm năm 2023.   | Sở Kế hoạch và Đầu tư       | Tháng 12 |  |